

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ - ST

Ngày 30/9/2025

V/v "Tranh chấp yêu cầu không
công nhận quan hệ vợ chồng, **nuôi con**"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Xuyên - Ông Nguyễn Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/9/2025 và 30/9/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2025/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025, về việc "*Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, **nuôi con***", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST - HNGĐ ngày 05/9/2025; Thông báo về việc tiếp tục mở lại phiên tòa sơ thẩm số: **01/TB-TA** ngày 24/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Hoàng Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khu 1, phường M 1, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: tổ 2, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2025; bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:*

Chị H cùng với anh Nguyễn Thanh T quen nhau vào khoảng năm 2020 trong thời gian quen biết yêu đương qua lại, anh T xuống M để làm ăn chị cùng anh T có gặp nhau và anh T nói với chị H đã ly hôn và hiện đang độc thân, do tin tưởng chị đã đồng ý và qua lại với nhau, dù chị cùng anh T không đăng ký kết hôn. Sau đó chị mang thai và sinh được một người con chung với anh T mang tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 22/11/2021. Quá trình chung sống chị và anh T phát sinh nhiều

mâu thuẫn nguyên nhân chị H phát hiện anh T chưa ly hôn, hiện tại vẫn đang sống cùng với vợ và có 04 người con chung với người vợ đó. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 22/11/2021, kể từ khi sinh con chung cho đến tháng 4 năm 2024 khi xảy ra mâu thuẫn chị và anh T chia tay nhau thì anh T tự ý đưa con chung về nhà anh T khi chị đang chăm sóc và nuôi dưỡng. Hơn năm nay chị hoàn toàn không được gặp con, không được liên lạc với con, anh T cắt đứt mọi liên lạc, chặn mọi cuộc gọi và tin nhắn của chị, nhiều lần chị phải cầu cứu anh ấy để được gặp con một lần, nhưng anh T hoàn toàn từ chối, không cho chị gặp mặt con, không những thế mỗi lần chị có ý định lên thăm gặp con anh T đều dùng lời lẽ xúc phạm danh dự chị, đe dọa chị nếu chị tiếp tục tìm đến, việc đó khiến chị luôn phải sống trong tâm trạng lo lắng, bất an, vì thương con, chị nhiều lần cố gắng nhẫn nhịn để chỉ mong được nhìn thấy con, nhưng anh T vẫn tiếp tục hành vi ngăn cản. Do vậy chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, chị không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị có công việc ổn định (bán hải sản và cơ sở làm đẹp) thu nhập ổn định bình quân từ 25.000.000đ/tháng và có chỗ ở với mẹ để ổn định, đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc tốt con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, chị không đề nghị anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Thanh T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H.

Tuy nhiên tại các phiên tòa vào ngày 23/9/2025 và ngày 30/9/2025 anh T đều có mặt và trình bày: về hôn nhân anh cùng chị H chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, nên không được pháp luật công nhận vợ chồng. Về con chung anh cùng với chị H có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 22/11/2021 hiện tại đang ở với anh, nguyện vọng mong muốn của anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì anh có điều kiện kinh tế, có nhà cửa, có người chăm sóc đầy đủ cho con chung. Trong khi chị H không có công ăn việc làm ổn định không có thu nhập, không có nhà cửa, nên để con chung phát triển về mọi mặt anh mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cho đến khi con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Về tài sản chung anh cùng chị H chung sống với nhau không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật

tổ tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 7,8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Thanh T. Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi anh Nguyễn Thanh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền của tòa án:* chị Hoàng Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng và đề nghị giải quyết về con chung; bị đơn anh Nguyễn Thanh T có hộ khẩu thường trú tại tổ 2, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh, nên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 7,8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2023 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện...Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Vì vậy quan hệ giữa chị Hoàng Thị H với anh Nguyễn Thanh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Thanh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đến với chị Hoàng Thị H đã gian dối chị H là đã ly hôn với vợ hiện chưa kết hôn cùng ai, dẫn đến chị H và anh T không còn chung sống với nhau nữa. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H không công nhận chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* chị Hoàng Thị H với anh Nguyễn Thanh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 22/11/2021, hiện tại con chung đang ở với bố (anh Nguyễn Thanh T). Chị H và anh T không thỏa thuận thống nhất việc nuôi dưỡng con chung và đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đều không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu do Tòa án thu thập và các tài liệu do đương sự xuất trình thấy chị H, anh T đều có sức khỏe tốt, đều có điều kiện kinh tế để chăm sóc con chung phát triển tốt, chị H làm công việc tự do, nhưng có công ăn việc làm thu nhập ổn định 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)/tháng, hiện tại đang chung sống với mẹ đẻ có nhà của đảng hoàng, tại số nhà 233, khu 1, phường M 1, tỉnh Quảng Ninh, anh

T làm công việc tự do, nhưng có công ăn việc làm thu nhập ổn định có nhà ở riêng, tuy nhiên ngôi nhà anh đang ở có vợ anh cùng với 04 người con chung của anh đang sinh sống. Tại biên bản xác minh vào ngày 11/8/2025 tại khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh cung cấp: anh Nguyễn Thanh T là công dân cư trú tại tổ 2, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh, anh T có vợ tên Phạm Thị **Thu** G, sinh năm 1997 cư trú tại tổ 2, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống anh T và chị G có 04 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 2016; Nguyễn Thanh S, sinh năm 2018; Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2020 và Nguyễn Thanh **T**, sinh năm 2022. Trong thời gian chung sống với chị G, anh T có đi làm ăn tại M và có quan hệ chung sống như vợ chồng với chị Hoàng Thị H, anh T và chị **H** không làm thủ tục đăng ký kết hôn hai người có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 22/11/2021, từ khi sinh con cháu D ở với mẹ tại phường **M** 1, tỉnh Quảng Ninh, đến khoảng tháng 4 năm 2024 anh T đón cháu D về nuôi dưỡng tại tổ 2, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh, hiện nay anh T đi làm ăn xa, thường xuyên không có mặt tại địa phương, do anh T không có thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, nên để cháu D cho ông bà nội hoặc vợ anh T chị G nuôi dưỡng.

Xét thấy, việc chăm sóc con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, do công việc nên anh Nguyễn Thanh T phải đi làm xa không trực tiếp chăm sóc được con chung, mà anh để con chung cho ông bà nội hoặc vợ anh T chị G chăm sóc và nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy con chung của chị H với anh T hiện nay còn quá bé lại nữ giới đang trong thời kỳ phát triển về tâm sinh lý, cần có người bố, người mẹ thường xuyên bên cạnh để tạo điều kiện cho con chung phát triển tốt nhất, chị H hiện tại không nuôi dưỡng và chăm sóc ai, có đủ các điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con, nên việc giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là phù hợp với thực tế.

- *Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung*: chị H không yêu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập và giải quyết.

- *Về tài sản chung*: chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập và giải quyết.

[4] *Về án phí*: không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung chị Hoàng Thị H phải chịu.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ **khoản 1 Điều 9**; khoản 1 Điều 14; Điều 15; và khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; **khoản 7,8 Điều 28**; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; **Điều 147; Điều 271 và Điều 273** Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Hoàng** Thị H.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị **Hoàng** Thị H và anh Nguyễn

Thanh T là vợ chồng.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị **Hoàng** Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 22/11/2021, kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

- *Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung*: anh Nguyễn Thanh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **Hoàng** Thị H.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng.

2. *Về án phí*: chị **Hoàng** Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí **dân sự** sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **0002964** ngày 09/6/2025, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí (nay là **Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Quảng Ninh**), chị **Hoàng** Thị H đã nộp đủ án phí **dân sự** sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho các đương sự biết quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 2 - Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bắc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Xuyên Nguyễn Văn Hạnh

Nguyễn Văn Bắc